

BIÊN BẢN
ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019
CÔNG TY CỔ PHẦN MIỀN ĐÔNG

I. Thông tin công ty:

- Tên công ty: **Công ty Cổ Phần Miền Đông.**
- Địa chỉ trụ sở chính: Đường số 1, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3600256545 – ngày cấp: cấp lần đầu 12/04/2006, đăng ký thay đổi lần 11 ngày 10/01/2018 - Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai.

II. Thời gian và địa điểm tổ chức đại hội:

- Thời gian: 8h30, ngày 29 tháng 04 năm 2019.
- Địa điểm: Hội trường Trụ sở Công ty, Đường số 1, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

III. Thành phần tham dự đại hội:

- Ban tổ chức đại hội, Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.
- Các cổ đông và đại diện cổ đông.

IV. Nội dung và diễn biến đại hội:

1. Ông Thân Tuấn Bình – Ban tổ chức giới thiệu thành phần Ban kiểm tra tư cách cổ đông:

- Ông **Trần Xuân Hưởng**-Trưởng ban.
- Ông **Nguyễn Cảnh Hưng** -Thành viên.

2. Ông Trần Xuân Hưởng- Trưởng ban kiểm tra tư cách cổ đông đọc biên bản kiểm tra tư cách cổ đông tham dự đại hội với kết quả kiểm tra như sau:

- Tổng số cổ đông có quyền biểu quyết của công ty tại thời điểm đại hội: **407** người.
- Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại thời điểm đại hội: **10.324.781** cổ phần.
- Tổng số cổ đông tham gia Đại hội: **19** người - đại diện nắm giữ **8.776.139** cổ phần, chiếm tỷ lệ **85%** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết công ty.
- Đại hội đủ điều kiện tiến hành theo quy định của Điều lệ công ty và Luật Doanh nghiệp.

3. Ông Thân Tuấn Bình – Ban tổ chức giới thiệu thành phần tham dự đại hội và Đoàn chủ tịch:

***Thành phần tham dự đại hội:**

- Ông Võ Văn Lân : Chủ tịch HĐQT
- Ông Lê Đức Dũng : Thành viên HĐQT
- Ông Bùi Minh Hải : Thành viên HĐQT
- Ông Nguyễn Thế Phi : Thành viên HĐQT
- Ông Nguyễn Lương Quân : Thành viên HĐQT
- Bà Lê Thị Quyết : Thành viên HĐQT
- Ông Nguyễn Xuân Hiếu : Trưởng BKS
- Ông Phan Huy Thuận : Thành viên BKS
- Bà Nguyễn Thị Cẩm Vân : Thành viên BKS

Và toàn thể cổ đông và đại diện cổ đông của Công ty Cổ phần Miền Đông

*** Đoàn chủ tịch:**

- Ông Võ Văn Lân – Chủ tịch HĐQT : Chủ tọa
- Ông Lê Đức Dũng – Thành viên HĐQT, TGD : Thành viên
- Ông Nguyễn Xuân Hiếu – Trưởng BKS : Thành viên

4. Ông Võ Văn Lân-Chủ tọa đề cử thành phần Ban thư ký và Ban kiểm phiếu để Đại hội biểu quyết thông qua:

***Ban thư ký :**

- Bà Trần Thị Thu Huyền : Trưởng ban.
- Bà Trương Thị Anh Thương : Thành viên

***Ban kiểm phiếu:**

- Ông Trần Xuân Hưởng : Trưởng ban.
- Ông Nguyễn Cảnh Hưng : Thành viên.
- Bà Võ Thị Hương : Thành viên
- Ông Lại Hữu Linh : Thành viên

Đại hội biểu quyết thông qua:

- * Tỷ lệ cổ đông tán thành : 100 %.
- * Tỷ lệ cổ đông không tán thành : 0 %.
- * Tỷ lệ cổ đông không có ý kiến : 0 %.

5. Ông Võ Văn Lân-Chủ tọa cuộc họp tuyên bố khai mạc cuộc họp.

6. Ông Thân Tuấn Bình – Ban tổ chức trình bày Quy chế tổ chức và Quy chế biểu quyết của Đại hội

Đại hội biểu quyết thông qua:

- * Tỷ lệ cổ đông tán thành : 100 %.
- * Tỷ lệ cổ đông không tán thành : 0 %.
- * Tỷ lệ cổ đông không có ý kiến : 0 %.

7. Ông Võ Văn Lãnh – Chủ tọa đại hội thông qua nội dung chương trình họp của đại hội, gồm:

- Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2018; Báo cáo tình hình SXKD giai đoạn 2014-2018 và định hướng, chiến lược phát triển giai đoạn 2019-2023
- Báo cáo tình hình quản trị công ty năm 2018
- Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2018; Báo cáo tổng kết nhiệm kỳ 2014-2019
- Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2018
- Tờ trình Lựa chọn công ty kiểm toán cho năm tài chính 2019
- Tờ trình Kết quả hoạt động SXKD năm 2018
- Tờ trình Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019
- Tờ trình Phương án phân chia lợi nhuận năm 2018 và kế hoạch phân chia lợi nhuận năm 2019
- Tờ trình Thù lao HĐQT và BKS năm 2018 và kế hoạch thù lao trong năm 2019
- Tờ trình điều chỉnh, bổ sung ngành nghề kinh doanh và sửa đổi điều lệ công ty
- Sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Công ty
- Tờ trình thông qua việc từ nhiệm của HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2014-2019 và bầu lại HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2019-2024
- Tiến hành công tác bầu cử HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2019-2024
- Thông qua Biên bản, Nghị quyết đại hội
- Tổng kết và bế mạc đại hội

Đại hội biểu quyết thông qua:

* Tỷ lệ cổ đông tán thành	:	100	%.
* Tỷ lệ cổ đông không tán thành	:	0	%.
* Tỷ lệ cổ đông không có ý kiến	:	0	%.

8. Ông Lê Đức Dũng- Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc công ty trình bày các báo cáo:

- Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2018
- Báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh giai đoạn 2014-2018 và định hướng, chiến lược phát triển giai đoạn 2019 - 2023
- Báo cáo tình hình quản trị công ty năm 2018

9. Ông Nguyễn Xuân Hiếu – Trưởng BKS trình bày các báo cáo:

- Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2018
- Báo cáo hoạt động của BKS năm 2018
- Báo cáo hoạt động của BKS nhiệm kỳ 2014-2019

10. Ông Lê Đức Dũng – Thành viên HĐQT, TGD trình bày tóm tắt nội dung các Tờ trình:

10.1. Tờ trình Kết quả hoạt động SXKD năm 2018 với các chỉ tiêu chính:

- Tổng doanh thu	:	176,485	tỷ đồng
- Tổng nộp ngân sách	:	32,111	tỷ đồng
- Lợi nhuận trước thuế	:	9,183	tỷ đồng
- Lợi nhuận sau thuế	:	7,487	tỷ đồng
- Giá trị đầu tư	:	16,1	tỷ đồng
- Thu nhập bình quân NLD/tháng	:	10	triệu đồng

10.2. Tờ trình Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 với các chỉ tiêu chính:

- Tổng doanh thu	:	461,300	tỷ đồng
- Tổng nộp ngân sách	:	24,106	tỷ đồng
- Lợi nhuận trước thuế	:	29,384	tỷ đồng
- Lợi nhuận sau thuế	:	23,507	tỷ đồng
- Giá trị đầu tư	:	54,00	tỷ đồng
- Thu nhập bình quân NLD/tháng	:	10,5	triệu đồng

10.3. Tờ trình Phương án phân chia lợi nhuận năm 2018 và kế hoạch phân chia lợi nhuận năm 2019:

***Phương án phân chia lợi nhuận năm 2018:**

STT	Chỉ tiêu	Số tiền (đồng)	Tỷ lệ	Ghi chú
1	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	9.355.463.942	100%	
1.1	Lợi nhuận sau thuế TNDN 2018 chưa phân phối	7.487.730.230		
1.2	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm trước để lại	1.867.733.712		
2	Trích lập các quỹ	2.338.865.985	25%	
2.1	Trích quỹ đầu tư phát triển	1.871.092.788	20%	
2.2	Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	467.773.197	5,0%	
3	Thù lao Hội đồng quản trị & Ban kiểm soát	280.663.918	3,0%	
4	Số lượng cổ phiếu lưu hành tại thời điểm chốt danh sách chia cổ tức	10.324.781		
5	Cổ tức năm 2018: 6% (600đ/CP)	6.194.868.600	82,7%	
6	Lợi nhuận còn lại để năm sau	541.065.438	7,2%	

***Kế hoạch phân chia lợi nhuận năm 2019:**

STT	Chỉ tiêu	Số tiền (đồng)	Tỷ lệ	Ghi chú
1	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	23.507.000.000	100%	

2	Trích lập các quỹ	7.522.240.000	30%	
2.1	Trích quỹ đầu tư phát triển	6.346.890.000	27,0%	
2.2	Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.175.350.000	5,0%	
3	Thưởng Ban điều hành	470.140.000	2%	
4	Thù lao HĐQT, BKS	705.210.000	3%	
5	Số lượng cổ phiếu lưu hành tại thời điểm chốt danh sách chia cổ tức	10.324.781		
6	Cổ tức năm 2019: 10% (10.000đ/CP)	10.324.781.000	43,9%	
7	Lợi nhuận còn lại để năm sau	4.484.629.000	19,1%	

10.4. Tờ trình Thù lao HĐQT và BKS năm 2018 và kế hoạch thù lao trong năm 2019:

- Mức thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2018 là 3,0% lợi nhuận sau thuế.
- Kế hoạch thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2019 là 3,0% lợi nhuận sau thuế. Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát được tính vào chi phí quản lý doanh nghiệp năm 2019.

11. Ông Nguyễn Xuân Hiếu – Trưởng BKS trình bày tóm tắt nội dung các Tờ trình sau:

11.1. Tờ trình lựa chọn công ty kiểm toán cho năm tài chính 2019:

- Lựa chọn Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019 và soát xét Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2019.
- Trường hợp bất khả kháng mà Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC không thể thực hiện việc kiểm toán được, lựa chọn thay thế là Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn A&C.

11.2. Tờ trình điều chỉnh, bổ sung ngành nghề kinh doanh và sửa đổi điều lệ công ty

***Điều chỉnh, bổ sung ngành nghề kinh doanh:**

Ngành nghề kinh doanh sau khi thay đổi:

Stt	Tên ngành nghề	Mã ngành
1	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ương giống cây lâm nghiệp	0210
2	Trồng cây cao su	0125
3	Trồng cây lâu năm khác	0129
4	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
5	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét: Sản xuất vật liệu xây dựng (gạch, ngói, sét, kaolin, đá, sỏi, cấu kiện bê tông, kim khí, sắt, thép).	2392
6	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao: Đầu tư khai thác, sản xuất xi măng.	2394
7	Sản xuất máy chuyên dụng khác: Sản xuất vật tư, thiết bị.	2829

8	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395
9	Khai thác, xử lý và cung cấp nước: Đầu tư sản xuất kinh doanh: nước.	3600
10	Xây dựng nhà để ở	4101
11	Xây dựng nhà không để ở	4102
12	Xây dựng công trình đường bộ	4212
13	Xây dựng công trình điện	4221
14	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
15	Xây dựng công trình thủy	4291
16	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
17	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
18	Phá dỡ	4311
19	Chuẩn bị mặt bằng	4312
20	Lắp đặt hệ thống điện	4321
21	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
22	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
23	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
24	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
25	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa: Đại lý	4610
26	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác: Bán buôn vật tư, thiết bị.	4659
27	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
28	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng: Bán buôn vật liệu xây dựng, xi măng.	4663
29	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
30	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
31	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ liên quan tới vận tải đường thủy nội địa	5222
32	Bốc xếp hàng hóa: Bốc xếp hàng hoá cảng sông, đường bộ.	5224
33	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải: Dịch vụ cân ô tô.	5229
34	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê: Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu đô thị, khu công nghiệp, hệ thống điện, nước. Kinh doanh bất động sản. Cho thuê kho bãi, nhà xưởng, nhà, văn phòng, mặt bằng.	6810
35	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất: Sàn giao dịch bất động sản thực hiện các dịch vụ sau: Mua bán, chuyên nhượng, cho thuê, cho thuê mua bất động sản, tư vấn, quảng cáo, đấu giá, quản lý bất động sản.	6820
36	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan: Tư vấn, giám sát	7110

	thi công công trình dân dụng, công nghiệp.	
37	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật: Thí nghiệm vật liệu xây dựng	7120
38	Cho thuê xe có động cơ	7710

***Sửa đổi Điều lệ Công ty:**

Sửa đổi khoản 1 Điều 4 Điều lệ Công ty CP Miền Đông như sau:

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

Stt	Tên ngành nghề	Mã ngành
1	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp	0210
2	Trồng cây cao su	0125
3	Trồng cây lâu năm khác	0129
4	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
5	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét: Sản xuất vật liệu xây dựng (gạch, ngói, sét, kaolin, đá, sỏi, cấu kiện bê tông, kim khí, sắt, thép).	2392
6	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao: Đầu tư khai thác, sản xuất xi măng.	2394
7	Sản xuất máy chuyên dụng khác: Sản xuất vật tư, thiết bị.	2829
8	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395
9	Khai thác, xử lý và cung cấp nước: Đầu tư sản xuất kinh doanh: nước.	3600
10	Xây dựng nhà để ở	4101
11	Xây dựng nhà không để ở	4102
12	Xây dựng công trình đường bộ	4212
13	Xây dựng công trình điện	4221
14	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
15	Xây dựng công trình thủy	4291
16	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
17	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
18	Phá dỡ	4311
19	Chuẩn bị mặt bằng	4312
20	Lắp đặt hệ thống điện	4321
21	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
22	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
23	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
24	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
25	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa: Đại lý	4610
26	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác: Bán buôn vật tư, thiết bị.	4659
27	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
28	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng: Bán buôn vật liệu xây dựng, xi măng.	4663
29	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
30	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
31	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ liên quan tới vận tải đường thủy nội địa	5222
32	Bốc xếp hàng hóa: Bốc xếp hàng hoá cảng sông, đường bộ.	5224

33	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải: Dịch vụ cân ô tô.	5229
34	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê: Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu đô thị, khu công nghiệp, hệ thống điện, nước. Kinh doanh bất động sản. Cho thuê kho bãi, nhà xưởng, nhà, văn phòng, mặt bằng.	6810
35	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất: Sàn giao dịch bất động sản thực hiện các dịch vụ sau: Mua bán, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê mua bất động sản, tư vấn, quảng cáo, đấu giá, quản lý bất động sản.	6820
36	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan: Tư vấn, giám sát thi công công trình dân dụng, công nghiệp.	7110
37	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật: Thí nghiệm vật liệu xây dựng	7120
38	Cho thuê xe có động cơ	7710

Giao cho Tổng giám đốc – Người đại diện theo pháp luật của Công ty tiến hành các thủ tục đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật.

11.3. Tờ trình sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Công ty

Thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung mục 16.1 khoản 16 Điều 48 Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, cụ thể như sau:

- Hội đồng quản trị: Quyết định các hợp đồng kinh doanh, thương mại, thi công công trình và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% (Ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.

- Tổng giám đốc: Quyết định các hợp đồng kinh doanh, thương mại, đấu thầu, thi công công trình, mua bán vật tư và hợp đồng khác có giá trị nhỏ hơn 35% (Ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.

11.4. Tờ trình thông qua việc từ nhiệm của HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2014-2019 và bầu lại HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2019-2024.

1. Thông qua việc từ nhiệm của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2014-2019.

2. Bầu lại Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát công ty nhiệm kỳ 2019-2024:

- Số lượng thành viên Hội đồng quản trị: 05 người

- Số lượng Ban kiểm soát: 03 người

12. Đại hội tiến hành thảo luận

***Ý kiến của ông Nguyễn Lương Quân- Mã cổ đông: MDC 06**

Góp ý Báo cáo kết quả SXKD 2014-2018 và định hướng 2018-2023:

- Lĩnh vực Xây lắp: cần quan tâm đội ngũ Chỉ huy trưởng và Giám đốc dự án. Nếu xác định xây lắp là lĩnh vực cốt lõi của Công ty, thì Công ty vẫn nên có tối thiểu 02 Chỉ huy trưởng.

- Lĩnh vực SX VLXD: ngoài đền bù mở rộng, thì cần tập trung phát triển lĩnh vực này

- Lĩnh vực kinh doanh BĐS hiện tại là một lĩnh vực khó khăn, rất khó làm chủ đầu tư dự án vì nguồn lực công ty chưa đáp ứng. Muốn làm chủ đầu tư cần tăng vốn hoạt động của công ty. Đồng thời hoàn thiện khu LBT cũ để tiến hành kinh doanh những lô đất còn lại của dự án này để bổ sung vốn hoạt động cho công ty.

Đồng ý với Báo cáo của BKS. BKS nhiệm kỳ 2014-2019 hoạt động có hiệu quả, đúng trách nhiệm. Do vậy, BKS nhiệm kỳ tới cũng cần phát huy truyền thống làm việc của BKS.

***Ý kiến trả lời của Chủ tọa:**

- Năm 2018, công ty ko trúng thầu bất kỳ công trình xây lắp nào, nhưng cuối năm 2018 Công ty đã trúng thầu được 02 công trình với giá trị trên 200 tỷ đồng. Mặc dù nhân sự xây lắp vẫn còn mỏng nhưng với sự hỗ trợ của công ty liên kết thì nhân sự tại các Ban chỉ huy công trình hiện tại vẫn đáp ứng tốt tiến trình thi công. Công ty vẫn đang tập trung xây dựng đội ngũ nhân sự xây lắp, tiến hành đào tạo để có 01 Chỉ huy trưởng công ty nhằm phục vụ công tác đấu thầu trong tương lai.

- SX VLXD: công ty vẫn đang thực hiện các công tác đền bù mở rộng mỏ.

13. Đại hội tiến hành biểu quyết thông qua nội dung của các tờ trình bằng cách bỏ phiếu biểu quyết.

14. Ông Trần Xuân Hương – Trưởng ban kiểm phiếu công bố kết quả biểu quyết thông qua nội dung các tờ trình, cụ thể như sau:

NỘI DUNG	Tỷ lệ tán thành	Tỷ lệ không tán thành	Tỷ lệ không ý kiến
Nội dung 1: Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2018; Báo cáo tình hình SXKD giai đoạn 2014-2018 và định hướng, chiến lược phát triển giai đoạn 2019 - 2023	100%		
Nội dung 2: Báo cáo tình hình quản trị công ty năm 2018	100%		
Nội dung 3: Báo cáo tài chính năm 2018 đã kiểm toán	100%		
Nội dung 4: Báo cáo hoạt động Ban kiểm soát năm 2018; Báo cáo tổng kết nhiệm kỳ 2014-2019	100%		
Nội dung 5: Kết quả hoạt động SXKD năm 2018	100%		
Nội dung 6: Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019	99.89%		0.11%
Nội dung 7: Phương án phân chia lợi nhuận năm 2018 và kế hoạch phân chia lợi nhuận năm 2019	100%		
Nội dung 8: Thù lao HĐQT, BKS năm 2018 và Kế hoạch thù lao năm 2019	99.89%		0.11%
Nội dung 9: Lựa chọn công ty kiểm toán cho năm tài chính 2019	100%		
Nội dung 10: Điều chỉnh, bổ sung ngành nghề kinh doanh công ty và sửa đổi điều lệ công ty	100%		
Nội dung 11: Sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị công ty	99.38%	0.62%	
Nội dung 12: Thông qua việc từ nhiệm của HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2014-2019 và bầu lại HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2019-2024	99.38%	0.62%	

15. Ông Trần Xuân Hương – Trưởng ban kiểm phiếu đọc Quy chế đề cử, ứng cử, bầu cử của HĐQT, BKS tại Đại hội và giới thiệu danh sách, sơ yếu lý lịch của các ứng cử viên đủ điều kiện tham gia ứng cử thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2019-2024.

STT	Họ và tên ứng cử viên	Số lượng cổ phiếu ứng cử và đề cử	Tỷ lệ % so với Tổng số CP có quyền biểu quyết
I	Ứng cử viên HĐQT		
1	Đỗ Việt Cường	901.000	8,73
2	Lê Đức Dũng	2.985.150	28,91
3	Võ Văn Lãnh	2.985.150	28,91
4	Lê Thị Quyết (Thành viên độc lập)	586.350	5,68
5	Phan Thị Thanh Xuân (Thành viên độc lập)	1.255.090	12,16
II	Ứng cử viên BKS		
1	Thân Tuấn Bình	2.985.150	28,91
2	Phan Huy Thuận	2.985.150	28,91
3	Nguyễn Thị Cẩm Vân	901.000	8,73

Đại hội biểu quyết thông qua:

- *Tỷ lệ cổ đông tán thành : 100 %
- *Tỷ lệ cổ đông không tán thành : 0 %
- *Tỷ lệ cổ đông có ý kiến khác : 0 %

16. Đại hội tiến hành bỏ phiếu bầu cử

17. Đại hội nghỉ giải lao

18. Ông Trần Xuân Hương – Trưởng ban kiểm phiếu công bố kết quả bầu cử thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2019-2024 như sau:

***Kết quả trúng cử thành viên HĐQT:**

STT	Họ và tên ứng cử viên	Số phiếu bầu biểu quyết	Tỷ lệ (%)
1	Võ Văn Lãnh	14.711.546	33.53
2	Lê Đức Dũng	8.328.330	18.98
3	Lê Thị Quyết (Thành viên độc lập)	1.594.073	3.63
4	Đỗ Việt Cường	9.956.623	22.69
5	Phan Thị Thanh Xuân (Thành viên độc lập)	9.019.823	20.56

***Kết quả trúng cử thành viên BKS:**

STT	Họ và tên ứng cử viên	Số phiếu bầu biểu quyết	Tỷ lệ (%)
1	Phan Huy Thuận	8.739.590	33.19
2	Thân Tuấn Bình	9.124.889	34.66
3	Nguyễn Thị Cẩm Vân	8.301.649	31.53

Đại hội kết thúc vào lúc 11h00 cùng ngày.

Biên bản này được thư ký đại hội ghi lại đầy đủ, trung thực và được đọc lại trước đại hội và được tất cả cổ đông tham dự đại hội nhất trí thông qua.

THƯ KÝ ĐẠI HỘI

Trần Thị Thu Huyền:



Trương Thị Anh Thương:



CHỦ TỌA

Võ Văn Lãnh



**NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019
CÔNG TY CỔ PHẦN MIỀN ĐÔNG**

- Căn cứ Luật doanh nghiệp được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014, có hiệu lực từ ngày 01/07/2015;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Miền Đông;
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội Đồng cổ đông thường niên năm 2019 ngày 29/04/2019 của Công ty Cổ phần Miền Đông.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1: Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2018; Báo cáo tình hình SXKD giai đoạn 2014-2018 và định hướng, chiến lược phát triển giai đoạn 2019-2023 (Chi tiết như tài liệu trình đại hội).

Điều 2: Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2018; Báo cáo tổng kết nhiệm kỳ 2014-2019.

Điều 3: Thông qua Báo cáo tình hình quản trị công ty năm 2018 (Chi tiết như tài liệu trình đại hội).

Điều 4: Thông qua Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2018 (Chi tiết như tài liệu trình đại hội).

Điều 5: Thông qua Kết quả hoạt động SXKD năm 2018 với các chỉ tiêu chính:

- Tổng doanh thu	:	176.485	tỷ đồng
- Tổng nộp ngân sách	:	32.111	tỷ đồng
- Lợi nhuận trước thuế	:	9.183	tỷ đồng
- Lợi nhuận sau thuế	:	7.487	tỷ đồng
- Giá trị đầu tư	:	16.1	tỷ đồng
- Thu nhập NLD/tháng	:	10.0	triệu đồng

Điều 6: Thông qua Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 với các chỉ tiêu chính:

- Tổng doanh thu	:	461.300	tỷ đồng
- Tổng nộp ngân sách	:	24.106	tỷ đồng
- Lợi nhuận trước thuế	:	29.384	tỷ đồng
- Lợi nhuận sau thuế	:	23.507	tỷ đồng
- Giá trị đầu tư	:	54.00	tỷ đồng
- Thu nhập NLD/tháng	:	10.5	triệu đồng



Điều 7: Thông qua Phương án phân chia lợi nhuận năm 2018 và kế hoạch phân chia lợi nhuận năm 2019:

1. Phương án phân chia lợi nhuận năm 2018:

STT	Chỉ tiêu	Số tiền (đồng)	Tỷ lệ	Ghi chú
1	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	9.355.463.942	100%	
1.1	Lợi nhuận sau thuế TNDN 2018 chưa phân phối	7.487.730.230		
1.2	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm trước để lại	1.867.733.712		
2	Trích lập các quỹ	2.338.865.985	25%	
2.1	Trích quỹ đầu tư phát triển	1.871.092.788	20%	
2.2	Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	467.773.197	5,0%	
3	Thù lao Hội đồng quản trị & Ban kiểm soát	280.663.918	3,0%	
4	Số lượng cổ phiếu lưu hành tại thời điểm chốt danh sách chia cổ tức	10.324.781		
5	Cổ tức năm 2018: 6% (600d/CP)	6.194.868.600	82,7%	
6	Lợi nhuận còn lại để năm sau	541.065.438	7,2%	

2. Kế hoạch phân chia lợi nhuận năm 2019:

STT	Chỉ tiêu	Số tiền (đồng)	Tỷ lệ	Ghi chú
1	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	23.507.000.000	100%	
2	Trích lập các quỹ	7.522.240.000	30%	
2.1	Trích quỹ đầu tư phát triển	6.346.890.000	27,0%	
2.2	Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.175.350.000	5,0%	
3	Thưởng Ban điều hành	470.140.000	2%	
4	Thù lao HĐQT, BKS	705.210.000	3%	
5	Số lượng cổ phiếu lưu hành tại thời điểm chốt danh sách chia cổ tức	10.324.781		

6	Cổ tức năm 2019: 10% (10.000đ/CP)	10.324.781.000	43,9%	
7	Lợi nhuận còn lại để năm sau	4.484.629.000	19,1%	

Điều 8: Thông qua Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2018 và Kế hoạch thù lao trong năm 2019.

1. Mức thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2018 là 3,0% lợi nhuận sau thuế.

2. Kế hoạch thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2019 là 3,0% lợi nhuận sau thuế. Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát được tính vào chi phí quản lý doanh nghiệp năm 2019.

Điều 9: Thông qua Lựa chọn công ty kiểm toán cho năm tài chính 2019.

1. Lựa chọn Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019 và soát xét Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2019.

2. Trường hợp bất khả kháng mà Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC không thể thực hiện việc kiểm toán được, lựa chọn thay thế là Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C.

Điều 10: Thông qua bổ sung ngành nghề kinh doanh và sửa đổi điều lệ Công ty.

1. Ngành nghề kinh doanh của Công ty sau khi sửa đổi, bổ sung là:

Stt	Tên ngành nghề	Mã ngành
1	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp	0210
2	Trồng cây cao su	0125
3	Trồng cây lâu năm khác	0129
4	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
5	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét: Sản xuất vật liệu xây dựng (gạch, ngói, sét, kaolin, đá, sỏi, cấu kiện bê tông, kim khí, sắt, thép).	2392
6	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao: Đầu tư khai thác, sản xuất xi măng.	2394
7	Sản xuất máy chuyên dụng khác: Sản xuất vật tư, thiết bị.	2829
8	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395
9	Khai thác, xử lý và cung cấp nước: Đầu tư sản xuất kinh doanh: nước.	3600
10	Xây dựng nhà để ở	4101
11	Xây dựng nhà không để ở	4102
12	Xây dựng công trình đường bộ	4212
13	Xây dựng công trình điện	4221
14	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
15	Xây dựng công trình thủy	4291
16	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
17	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
18	Phá dỡ	4311
19	Chuẩn bị mặt bằng	4312
20	Lắp đặt hệ thống điện	4321
21	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322



22	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
23	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
24	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
25	Đại lý, môi giới, đầu giá hàng hóa: Đại lý	4610
26	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác: Bán buôn vật tư, thiết bị.	4659
27	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
28	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng: Bán buôn vật liệu xây dựng, xi măng.	4663
29	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
30	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
31	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ liên quan tới vận tải đường thủy nội địa	5222
32	Bốc xếp hàng hóa: Bốc xếp hàng hoá cảng sông, đường bộ.	5224
33	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải: Dịch vụ cân ô tô.	5229
34	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê: Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu đô thị, khu công nghiệp, hệ thống điện, nước. Kinh doanh bất động sản. Cho thuê kho bãi, nhà xưởng, nhà, văn phòng, mặt bằng.	6810
35	Tư vấn, môi giới, đầu giá bất động sản, đầu giá quyền sử dụng đất: Sàn giao dịch bất động sản thực hiện các dịch vụ sau: Mua bán, chuyên nhượng, cho thuê, cho thuê mua bất động sản, tư vấn, quảng cáo, đầu giá, quản lý bất động sản.	6820
36	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan: Tư vấn, giám sát thi công công trình dân dụng, công nghiệp.	7110
37	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật: Thí nghiệm vật liệu xây dựng	7120
38	Cho thuê xe có động cơ	7710

2. Sửa đổi khoản 1 Điều 4 Điều lệ Công ty: theo ngành nghề kinh doanh sau khi đã thay đổi tại khoản 1 Điều 10 của Nghị quyết này

3. Giao cho Tổng giám đốc – Người đại diện theo pháp luật của Công ty tiến hành các thủ tục đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật.

Điều 11: Thông qua sửa đổi, bổ sung Mục 16.1 khoản 16 Điều 48 Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

1. Hội đồng quản trị: Quyết định các hợp đồng kinh doanh, thương mại, thi công công trình và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.

2. Tổng giám đốc: Quyết định các hợp đồng kinh doanh, thương mại, đấu thầu, thi công công trình, mua bán vật tư và hợp đồng khác có giá trị nhỏ hơn 35% (Ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.

Điều 12: Thông qua việc từ nhiệm HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2014-2019 và bầu lại HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2019-2024.

1. Thông qua việc từ nhiệm HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2014-2019

2. Thông qua việc bầu lại HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2019-2024:

- Số lượng thành viên Hội đồng quản trị: 05 người
- Số lượng Ban kiểm soát: 03 người

Điều 13: Kết quả bầu cử thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2019-2024:

1. Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2019-2024:

Stt	Họ và tên ứng cử viên	Số phiếu bầu biểu quyết	Tỷ lệ (%)
1	Võ Văn Lĩnh	14.711.546	33.53
2	Lê Đức Dũng	8.328.330	18.98
3	Lê Thị Quyết (Thành viên độc lập)	1.594.073	3.63
4	Đỗ Việt Cường	9.956.623	22.69
5	Phan Thị Thanh Xuân (Thành viên độc lập)	9.019.823	20.56

2. Thành viên BKS nhiệm kỳ 2019-2024:

Stt	Họ và tên ứng cử viên	Số phiếu bầu biểu quyết	Tỷ lệ (%)
1	Phan Huy Thuận	8.739.590	33.19
2	Thân Tuấn Bình	9.124.889	34.66
3	Nguyễn Thị Cẩm Vân	8.301.649	31.53

Điều 14: Điều khoản thi hành.

Nghị quyết này đã được cổ đông nhất trí thông qua tại Đại hội và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 29/04/2019.

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc, toàn thể cổ đông Công ty Cổ phần Miền Đông chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này và tổ chức triển khai thực hiện theo thẩm quyền, chức năng của mình phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty.

Nơi nhận:

- Như điều 14;
- CBTT 24h;
- Lưu VP.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA



(Handwritten signature)
Võ Văn Lĩnh